

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRẦN VĂN THỜI
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập- Tự Do - Hạnh Phúc**

Bản án số: 260/2019/HNGĐ-ST
Ngày 16-10-2019
V/v ly hôn, con chung khi ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẦN VĂN THỜI, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Minh Luân.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Bùi Xuân Minh
2. Bà Nguyễn Thị Loan

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Tuyết Ngân – Thư ký Toà án nhân dân huyện Trần Văn Thời.

Trong ngày 16 tháng 10 năm 2019, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 430/2019/TLST-HNGĐ ngày 28/6/2019 về việc “Ly hôn, con chung khi ly hôn” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 242/2019/QĐST- HNGĐ ngày 06 tháng 8 năm 2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà **Lê Ngọc V**, sinh năm 1977 (có mặt).

Địa chỉ: Khóm 6B, thị t, huyện T, tỉnh Cà Mau

2. Bị đơn: Ông **Lâm Minh H**, sinh năm 1968 (vắng mặt).

Địa chỉ: Khóm 6B, thị t, huyện T, tỉnh Cà Mau

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 24/6/2019 và các lời khai tại tòa nguyên đơn bà Lê Ngọc V trình bày:

Về hôn nhân: Bà Lê Ngọc V và ông Lâm Minh H thành hôn với nhau năm 1996, không có đăng ký kết hôn theo quy định. Trong thời gian chung sống bà V và ông H phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, sống không hòa hợp, thường xảy ra cự cãi. Bà Lê Ngọc V và ông Lâm Minh H sống ly thân khoảng 02 năm nay. Bà V xác định bà và ông H không thể đoàn tụ nên bà V yêu cầu được ly hôn với ông H.

Về con chung: Bà Lê Ngọc V và ông Lâm Minh H có 02 con chung tên Lâm Minh H, sinh năm 2003; Lâm Minh T, sinh năm 2005, bà V đang nuôi dạy. Bà V yêu cầu được trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn, không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án xem xét.

Trong quá trình Tòa án thụ lý giải quyết vụ án Tòa án đã triệu tập hợp lệ đối với ông Lâm Minh H nhưng ông H vắng mặt và không cung cấp cho Tòa án văn bản nêu ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định.

[1] Xét về thủ tục tố tụng: Bị đơn ông Lâm Minh H có nơi cư trú tại huyện Trần Văn Thời, nguyên đơn bà Lê Ngọc V khởi kiện xin ly hôn với ông Lâm Minh H nên Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời thụ lý giải quyết là đúng theo quy định tại Điều 28 và 35 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Xét về hôn nhân: Bà Lê Ngọc V và ông Lâm Minh H thành hôn với nhau năm 1996, hôn nhân tự nguyện, nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy định. Như vậy hôn nhân giữa bà V với ông H chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1996 đến nay nhưng không có đăng ký kết hôn là không tuân thủ theo quy định tại Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 do đó pháp luật không công nhận mối quan hệ giữa bà Lê Ngọc V và ông Lâm Minh H là vợ chồng.

[3] Xét về con chung: Bà Lê Ngọc V và ông Lâm Minh H có 02 con chung tên Lâm Minh H, sinh năm 2003; Lâm Minh T, sinh năm 2005, bà V đang nuôi dạy. Bà V yêu cầu được trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn, không yêu cầu ông H dưỡng nuôi con. Xét thấy nguyện vọng của bà V là được trực tiếp nuôi dạy con chung sau khi ly hôn. Tuy nhiên việc giao con chưa thành niên cho cha hoặc mẹ nuôi dạy phải xem xét đến nguyện vọng của con chung. Tại biên bản lấy lời khai của đương sự 10/10/2019 nguyện vọng của Lâm Minh Hòa, Lâm Minh H sống với bà V. Căn cứ Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 giao Lâm Minh Hòa, sinh năm 2003; Lâm Minh T, sinh năm 2005 cho bà Lê Ngọc V nuôi dạy là phù hợp.

[4] Xét về cấp dưỡng nuôi con: Bà V không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Xét về tài sản chung, nợ chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu nên không xem xét.

[6] Về án phí: Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Nguyên đơn bà Lê Ngọc V phải chịu án phí theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 28; Điều 35, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 14, Điều 51, Điều 53, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH ngày

30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Về hôn nhân: Không công nhận mối quan hệ giữa bà Lê Ngọc V và ông Lâm Minh H là vợ chồng.

Về con chung: Giao Lâm Minh Hòa, sinh ngày 03/6/2003; Lâm Minh T, sinh ngày 06/11/2005 cho bà Lê Ngọc V trực tiếp nuôi dạy, ông H không phải cấp dưỡng nuôi con. Ông H có quyền thăm nom, chăm sóc con chung không ai có quyền cản trở ông H thực hiện quyền này.

Về án phí: Án phí hôn nhân và gia đình bà Lê Ngọc V phải chịu 300.000 đồng. Bà V có nộp tạm ứng án phí là 300.000 đồng, theo biên lai thu tiền số 0003342 ngày 28/6/2019 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau được chuyển thu đối trừ.

Án xử công khai nguyên đơn, có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai.

“Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b, 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKS cùng cấp;
- Chi cục THADS huyện TVT;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà
(Đã ký)

Võ Minh Luân

